TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:142/2018/DS-PT
Ngày: 08-11- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: 1- Ông Nguyễn Văn Dũ.

2- Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà NĐ, sinh năm 1967.(có mặt)

Địa chỉ: Số 289, ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà NĐ : Bà NĐ1, sinh năm 1990 (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 24/5/2018).(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà NĐ : Luật sư Nguyễn Văn A - Văn phòng luật sư Việt A, thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.(Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà BĐ, sinh năm 1964.(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NLQ, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp cho bà BĐ và ông NLQ: ông NUQ, sinh năm 1964, địa chỉ: ấp b, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2018) (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1/ Bà NLC1, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

2/ Bà NLC2, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

3/ Bà NLC3, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

4/ Bà NLC4, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

5. ***Người kháng cáo***: Bị đơn bà BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà NĐ trình bày như sau:

Bà BĐ có tham gia hụi của NĐ làm chủ hụi gồm các dây hụi như sau (ngày tháng năm chơi hụi tính theo ngày âm lịch):

- Dây hụi 1**:** Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 25/08/2015, hụi mãn ngày 25/12/2017, có 30 chân, BĐ tham gia 02 chân. Chân 1: Góp hụi sống đến lần thứ 06 hốt hụi ở lần 07 ngày 25/02/2016, số tiền hốt hụi 44.350.000 đồng. Chân 2: Góp hụi sống đến lần 09 hốt hụi ở lần 10 ngày 25/05/2016, số tiền hốt hụi 43.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi, BĐ góp hụi chết đến lần thứ 26, đồng loạt ngưng góp hụi từ lần thứ 27 ngày 25/9/2017. Tính đến mãn hụi, BĐ nợ hụi chết của NĐ: 04 lần x 02 chân x 2.000.000 đồng/chân = 16.000.000 đồng.

Đến ngày 30/12/2017 BĐ có trả cho NĐ ở dây hụi này là 3.000.000 đồng còn nợ lại NĐ là 13.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 12/02/2016, hụi mãn ngày 12/4/2018, có 28 chân, BĐ tham gia 02 chân. Chân 1: Góp hụi sống đến lần 06 hốt hụi ở lần 07 ngày 12/08/2016 được số tiền 20.700.000 đồng. Chân 2: Góp hụi sống đến lần 08 hốt hụi ở lần 09 ngày 12/10/2016, được số tiền 19.660.000 đồng. BĐ góp hụi chết đến lần thứ 22, đồng loạt ngưng góp hụi từ lần 23 ngày 12/11/2017. Tính đến ngày mãn hụi, BĐ nợ hụi chết của NĐ: 06 lần x 02 chân x 1.000.000 đồng/chân = 12.000.000 đồng.

- Dây hụi 3: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 15/07/2016, tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm hụi khui đến lần thứ 25 ngày 15/6/2018 *(hụi mãn ngày 15/12/2018)*, có 31 chân, BĐ tham gia 02 chân. Chân 1: Góp hụi sống đến lần 05 hốt hụi ở lần 06 ngày 15/12/2016, được số tiền 41.500.000 đồng. Chân 2: Góp hụi sống đến lần 07 hốt hụi ở lần 08 ngày 15/02/2017, được số tiền 45.200.000 đồng.

BĐ góp hụi chết đến lần 15, đồng loạt ngưng góp hụi từ lần 16 ngày 15/9/2017. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, BĐ phải góp hụi chết cho NĐ là: 10 lần x 02 chân x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng.

- Dây hụi 4: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 20/10/2016, tới thời điểm xét xử sơ thẩm hụi khui tới lần 22 ngày 20/6/2018 *(hụi mãn ngày 20/01/2019)*, có 29 chân, vợ chồng BĐ tham 01 chân, góp hụi sống đến lần 11, hốt hụi ở lần 12 ngày 20/08/2017, được số tiền 48.030.000 đồng, hốt hụi xong BĐ không có góp hụi chết. Tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm BĐ phải góp hụi chết là: 10 lần x 01 chân x 2.000.000 đồng/chân = 20.000.000 đồng.

- Dây hụi 5: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 06/03/2017, tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm khui tới lần 18 ngày 06/7/2018 *(hụi mãn ngày 06/3/2019)*, có 26 chân, vợ chồng BĐ tham gia 02 chân. Chân 1: Góp hụi sống đến lần 04 hốt hụi ở lần 05 ngày 06/06 sau 2017 *(năm 2017 nhuần 02 tháng 6),* được số tiền 18.830.000 đồng, góp hụi chết đến lần 08, ngưng góp hụi từ lần 09 ngày 06/10/2017. Chân 2: Góp hụi sống đến lần 06 hốt hụi ở lần 07 ngày 06/08/2017, được số tiền 20.700.000 đồng, góp hụi chết đến lần 08, ngưng đóng từ lần 09 ngày 06/10/2017. Tính đến thời điểm xét xử, vợ chồng BĐ phải góp hụi chết là: 10 lần x 02 chân x 1.000.000 đồng/chân = 20.000.000 đồng.

- Dây hụi 6: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 06/03/2017, tại thời điểm khởi kiện hụi khui đến lần 18 ngày 06/7/2018 *(hụi mãn ngày 06/3/2019)*, có 26 chân, vợ chồng BĐ tham gia 01 chân, góp hụi sống đến lần 04 hốt hụi ở lần 05 ngày 06/06 sau 2017, được số tiền 19.250.000 đồng. BĐ ngưng góp hụi chết từ lần 08 ngày 06/09/2017. Tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm BĐ vi phạm nghĩa vụ góp hụi chết: 11 lần x 01 chân x 1.000.000 đồng/chân = 11.000.000 đồng.

Dây hụi 5 và dây hụi 6 khui cùng 01 ngày là do số người chơi nhiều quá nên NĐ tách thành 02 dây giống nhau. Tổng cộng 06 dây hụi nêu trên vợ chồng BĐ còn thiếu NĐ tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm là 116.000.000 đồng. Việc tham gia hụi của NĐ có làm danh sách hụi, trong danh sách hụi NĐ để tên "mai" là con của BĐ, tuy nhiên người trực tiếp tham gia hụi là BĐ. BĐ cho rằng có góp hụi chết cho NĐ đến tháng 12/2017 âm lịch là không đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng BĐ, NLQ có trách nhiệm liên đới trả cho NĐ số tiền hụi tới thời điểm xét xử sơ thẩm tổng cộng là 116.000.000 đồng. NĐ không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả một lần. Còn các lần đóng hụi chết còn lại của các dây hụi chưa mãn nếu BĐ và NLQ không đóng thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2018, bị đơn bà BĐ trình bày như sau: Bà thống nhất với lời trình bày của phía đại diện ủy quyền nguyên đơn về các dây hụi, thời gian gian khui, thời gian mãn hụi, các chưng hụi, theo danh sách hụi NĐ cung cấp thì để tên "mai" là con của bà nhưng người tham gia hụi là bà. Đối với các dây hụi nguyên đơn trình bày thì bà đã hốt hết và nhận tiền đầy đủ, bà đã đóng đầy đủ đến khoảng ngày 31/12/2017 âm lịch thì bà ngưng đóng vì đóng nhiều dây hụi quá nên bà đóng không nỗi. Các lần đóng hụi cho NĐ thì không có ký giấy tờ

gì hết và cũng không có ai chứng kiến chỉ có bà và NĐ biết, NĐ không có giao danh sách hụi gì cho bà nên khi đóng bà cũng không ký vào sổ sách của NĐ. Do chỗ bà và NĐ là xui gia nên bà tin tưởng.

Đối với dây hụi 1 khui ngày 25/8/2015 âm lịch mãn ngày 25/12/2017 âm lịch thì dây hụi này bà đã đóng cho phía NĐ đầy đủ tuy nhiên lần cuối cùng thì bà còn thiếu lại NĐ 1.000.000 đồng. Đối với dây hụi 2 khui ngày 12/4/2016 âm lịch mãn ngày 12/4/2018 âm lịch thì dây hụi này bà đã đóng cho phía NĐ đầy đủ tuy nhiên đến ngày 31/12/2017 âm lịch thì bà ngưng đóng tất cả các dây hụi, dây hụi này bà chỉ còn thiếu NĐ 4 lần với số tiền 04 x 2 chưng x 1.000.000đồng/01 chưng = 8.000.000 đồng. Các dây hụi 3,4,5,6 chưa đến hạn mãn hụi mà Bình khởi kiện bà thì bà không đồng ý, khi nào mãn hụi mà bà không đóng đầy đủ thì mới được quyền khởi kiện bà. Tại phiên tòa, BĐ cho rằng tình đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà còn nợ NĐ 45.000.000đồng tiền hụi chết và tiền hụi chết của 02 dây hụi 5, 6 từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018 của 02 chân hụi số tiền 14.000.000đồng, tuy nhiên hai dây hụi này chưa mãn nên NĐ không có quyền khởi kiện bà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ trình bày: thống nhất với trình bày của BĐ.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết:

Tại bản án sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử:</u>

1/ Buộc bà BĐ và ông NLQ có trách nhiệm trả cho bà NĐ số tiền hụi còn thiếu 116.000.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà NĐ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà BĐ và ông NLQ còn phải trả lãi cho NĐ theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2018, bị đơn bà BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: thống nhất với bản án sơ thẩm và cho rằng bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NĐ trình bày: việc NĐ góp hụi thay cho BĐ là có thật và NĐ chỉ đòi phần tiền mà bà đã góp hụi thực tế thay cho BĐ đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của BĐ, ông NLQ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của bà BĐ và ông NLQ trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của BĐ và ông NLQ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

[2] Nội dung:

* Nguyên đơn bà NĐ và bị đơn bà BĐ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ khai thống nhất: BĐ có tham gia hụi của NĐ làm chủ, trong đó BĐ tham gia 10 chân hụi của 06 dây hụi tháng như NĐ đã trình bày, BĐ đã hốt hụi hết và nhận tiền hụi đủ. Hiện nay hụi đã mãn hết 02 dây, chỉ còn lại 4 dây chưa mãn.

* Nguyên đơn NĐ cho rằng sau khi hốt hụi thì :

Dây hụi 1 là ngày 25/9/2017 âm lịch BĐ ngưng đóng hụi chết, tính đến ngày mãn hụi BĐ nợ hụi chết của NĐ là 04 lần x 02 chân x 2.000.000đ/chân =

16.000.000đ, đến ngày 30/12/2017 BĐ trả cho NĐ 3.000.000đ còn nợ lại 13.000.000đ.

Dây hụi 2 ngày 12/11/2017 âm lịch BĐ ngưng đóng hụi chết, tính đến ngày mãn hụi BĐ nợ hụi chết của NĐ là 06 lần x 02 chân x 1.000.000đ/ chân = 12.000.000đ.

Dây hụi 3 ngày 15/9/2017 âm lịch BĐ ngưng đóng hụi chết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm BĐ nợ hụi chết của NĐ là 10 lần x 02 chân x 2.000.000đ/ chân = 40.000.000đ.

Dây hụi 4 ngày 20/8/2017 âm lịch BĐ hốt hụi và không đóng hụi chết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm BĐ nợ hụi chết của NĐ là 10 lần x 01 chân x 2.000.000đ/ chân = 20.000.000đ.

Dây hụi 5 ngày 06/10/2017 âm lịch BĐ ngưng đóng hụi chết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm BĐ nợ hụi chết của NĐ là 10 lần x 02 chân x 1.000.000đ/ chân = 20.000.000đ.

Dây hụi 6 ngày 06/9/2017 âm lịch BĐ ngưng đóng hụi chết, tính đến ngày xét xử sơ thẩm BĐ nợ hụi chết của NĐ là 11 lần x 01 chân x 1.000.000đ/ chân = 11.000.000đ.

Tổng cộng BĐ, NLQ còn nợ tiền hụi chết của NĐ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 116.000.000đ. NĐ yêu cầu BĐ, NLQ trả số tiền hụi 116.000.000đ, không tính lãi, yêu cầu trả 01 lần. Đối với tiền hụi chết còn lại của các dây hụi chưa mãn, nếu BĐ và NLQ chưa đóng thì khởi kiện thành vụ án khác.

*Bà BĐ, ông NLQ: thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về các dây hụi, thời gian khui, thời gian mãn hụi, các chưng hụi, theo danh sách hụi để tên Mai là con của BĐ và NLQ nhưng người chơi hụi là BĐ và ông NLQ, Mai không tham gia và không biết gì. Đối với các dây hụi như nguyên đơn trình bày bị đơn đã hốt hết và đã nhận đủ tiền đầy đủ. Đến ngày 30/12/2017 âm lịch (15/2/2018 dương lịch) BĐ ngưng đóng hụi chết do nhiều dây hụi quá nên bà không còn khả năng đóng. BĐ khai dây hụi 1 bà còn nợ NĐ 1.000.000đ, dây hụi 2 bà còn nợ NĐ 8.000.000đ, dây hụi 3, 4, 5, 6 bà ngưng đóng hụi chết từ ngày 30/12/2017 âm lịch (15/2/2018 dương lịch), các dây hụi này đến ngày 01/3/2019 hụi mới mãn nên bà không đồng ý trả 25.000.000đ dây hụi 1, 2 như yêu cầu của NĐ và các dây hụi 3,4,5,6 chưa đến ngày mãn hụi nên khi nào đến ngày mãn hụi mà bà không đóng đầy đủ thì khởi kiện bà.

[2] Xét kháng cáo của bà BĐ và ông NLQ:

BĐ, NLQ kháng cáo các nội dung:

Thứ nhất: đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 NĐ kiện vợ chồng bà còn thiếu NĐ 348.643.000đ, tại phiên hòa giải ngày 27/6/2018 NĐ xác định bà còn thiếu NĐ 89.000.000đ và yêu cầu vợ chồng BĐ trả số tiền này.

Thứ hai: Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà trả số tiền vốn góp hụi là 116.000.000đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 là gây thiệt thòi quyền lợi cho bà vì bà chỉ nợ NĐ 45.000.000đ.

Thứ ba: Dây hụi 3,4,5 đến tháng 01 và tháng 3/2019 mới mãn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận đơn khởi kiện của NĐ gộp lại tuyên xử buộc vợ chồng bà trả một lần là vi phạm khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2016 của Chính Phủ.

Thứ tư: Khi tham gia chơi hụi không có lập sổ hụi theo dõi các thành viên nên số tiền góp hụi mãn chưa tính đến ngày 27/6/2018 (biên bản hòa giải Tòa án) chỉ còn thiếu NĐ 45.000.000đ, đây là chứng cứ. Nhưng bản án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà hoàn trả 116.000.000đ là không có căn cứ.

Thứ năm: Tại đơn khởi kiện NĐ và tại phiên tòa sơ thẩm, NĐ chỉ kiện có 5 dây hụi nhưng tòa án cấp sơ thẩm xét xử 06 dây hụi.

Thứ sáu: Không tính án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ các lý do trên BĐ, NLQ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng các nội dung trên.

[3] Xét thấy,

[3.1] Xét lý do kháng cáo thứ nhất BĐ, NLQ nêu trong đơn kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận vì đơn khởi kiện của bà NĐ ngày 22/5/2018 (bút lục 01- 02) không có thể hiện nội dung NĐ kiện vợ chồng BĐ số tiền 348.643.000đ.

[3.2] Đối với lý do kháng cáo thứ hai: tại đơn khởi kiện NĐ yêu cầu BĐ, NLQ liên đới trả số tiền 87.000.000đ và buộc BĐ, NLQ trả tiền hụi chết phát sinh tới thời điểm xét xử sơ thẩm (bút lục 01- 02) không nêu một số tiền cụ thể; Tại phiên tòa NĐ yêu cầu số tiền cụ thể của 02 yêu cầu trên tổng số tiền là 116.000.000đ, yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện theo khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, lý do kháng cáo này của BĐ, NLQ là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2018 (bút lục 30- 31) bà BĐ trình bày: "thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về các dây hụi, thời gian khui, thời gian mãn hụi, các chân hụi, theo danh sách hụi để tên Mai là con của BĐ và NLQ nhưng người chơi hụi là BĐ và ông NLQ, Mai không tham gia và không biết gì. Đối với các dây hụi như nguyên đơn trình bày bị đơn đã hốt hết và đã nhận tiền đầy đủ" đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên có căn cứ xác định BĐ có tham gia hụi của NĐ làm chủ, trong đó BĐ tham gia 10 chân hụi của 06 dây hụi tháng như NĐ đã trình bày, BĐ đã hốt hụi hết và nhận tiền hụi đủ. Hiện nay hụi đã mãn hết 02 dây, chỉ còn lại 4 dây chưa mãn. Các bên tranh chấp phần tiền hụi chết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà NĐ khai hiện vợ chồng BĐ còn nợ NĐ tổng cộng 10 chân hụi trong 06 dây hụi tháng với tổng số tiền 116.000.000đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/8/2018, số tiền này NĐ đã góp hụi thay cho vợ chồng BĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, khi Thẩm phán cho người đại diện hợp pháp của BĐ và NLQ là ông Diệp Thanh Hùng xác định lại từng dây hụi về thời gian mở hụi, thời gian mãn hụi, số hụi viên tham gia từng dây hụi, số chân hụi vợ chồng BĐ tham gia trong từng dây hụi, thời gian BĐ hốt hụi, số tiền từng lần hốt hụi, thời gian đóng hụi chết của từng chưng hụi, thời gian BĐ ngưng đóng hụi chết của từng dây hụi và chốt số tiền còn nợ lại của các dây hụi thì được NUQ xác định:

Dây hụi 1, 2 đã mãn và thống nhất với với trình bày của phía nguyên đơn về số tiền hiện nay BĐ, NLQ còn nợ 02 dây hụi này tổng cộng là 25.000.000đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Dây hụi 3, 4, 5, 6 chưa đến thời gian mãn hụi, tuy nhiên NUQ cũng thống nhất số liệu về thời gian mở hụi, thời gian mãn hụi, số hụi viên tham gia từng dây hụi, số chân hụi vợ chồng BĐ tham gia trong từng dây hụi, thời gian BĐ hốt hụi, số tiền từng lần hốt hụi, thời gian đóng hụi chết của từng chân hụi, thời gian BĐ ngưng đóng hụi chết của từng dây hụi và chốt số tiền còn nợ lại của các dây hụi như nguyên đơn trình bày, NUQ còn bổ sung thêm nội dung số tiền BĐ còn nợ ở các dây hụi này là chỉ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, nếu tính đến ngày mãn hụi số tiền này tăng nhiều hơn, NUQ còn thừa nhận nếu đã hốt hụi rồi thì mỗi tháng phải đóng hụi chết chứ không đợi đến khi mãn hụi mới đóng hụi chết một lần. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông yêu cầu Tòa án xem xét các dây hụi này chưa đến ngày kết thúc dây hụi nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là không đúng.

Xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa các bên là tự nguyện, đôi bên cùng có lợi và đã xảy ra trên thực tế, loại hụi hưởng hoa hồng theo quy định tại Điều 24 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường, theo đó chủ hụi được hưởng hoa hồng trên mỗi lần khui hụi, quá trình tham gia trong các dây hụi do NĐ làm chủ hụi, BĐ đã hốt hết các chân hụi và nhận tiền đầy đủ, số tiền lãi mà hụi viên có hụi sống được hưởng là do các hụi viên có hụi chết chi trả, chủ hụi chỉ là người lãnh hụi và giao tiền lại cho các hụi viên được lãnh mà không phải chi trả lãi. Sau khi hốt hụi thì BĐ đã đóng hụi chết không đủ cho NĐ, NĐ đã đóng thay cho BĐ để chi trả cho các hụi viên có hụi sống. NĐ khởi kiện yêu cầu BĐ phải có nghĩa vụ trả lại số tiền hụi chết tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền NĐ đã góp hụi thay cho vợ chồng BĐ do vợ chồng BĐ không nộp là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ – CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường (Sau đây gọi tắt là nghị định 144) quy định "*Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ"*. Do đó, việc BĐ cho rằng hụi chưa mãn NĐ không có quyền khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Đối với lý do kháng cáo thứ tư: Khi tham gia chơi hụi không có lập sổ hụi theo dõi các thành viên nên số tiền góp hụi mãn chưa tính đến ngày 27/6/2018 (biên bản hòa giải của tòa án) chỉ còn thiếu NĐ 45.000.000đ, đây là chứng cứ. Nhưng bản án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà hoàn trả 116.000.000đ là không có căn cứ.

Xét thấy,

Tại phiên tòa sơ thẩm, BĐ cho rằng bà không nhớ ngày tháng năm khui hụi và mãn hụi của các dây hụi bà tham gia. Tuy nhiên, theo xác minh của Tòa án đối với các nhân chứng như bà NLC1, bà NLC2, bà NLC3, bà NLC4 là các hụi viên cùng tham gia dây hụi với BĐ đều xác nhận và cung cấp danh sách hụi cho Tòa án thì ngày khui hụi và ngày mãn hụi đều phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn như đã nêu trong phần nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp cho BĐ, NLQ thừa nhận số tiền BĐ, NLQ còn nợ trong các dây hụi tính đến ngày kết thúc hụi của dây hụi 1,2 và tính đến ngày xét xử sơ thẩm của các dây hụi 3,4,5,6 cụ thể:

Dây hụi 1 vợ chồng BĐ còn nợ NĐ số tiền 13.000.000đ

Dây hụi 2 vợ chồng BĐ còn nợ NĐ số tiền 12.000.000đ

Dây hụi 3 vợ chồng BĐ còn nợ NĐ số tiền 40.000.000đ

Dây hụi 4 vợ chồng BĐ còn nợ NĐ số tiền 20.000.000đ

Dây hụi 5 vợ chồng BĐ còn nợ NĐ số tiền 20.000.000đ

Dây hụi 6 vợ chồng BĐ còn nợ NĐ số tiền 11.000.000đ

Lời thừa nhận của NUQ phù hợp với lời khai của nguyên đơn, phù hợp với chứng cứ là nguyên đơn cung cấp tại tòa là 03 quyển sổ hụi trong đó thể hiện số tiền BĐ hốt hụi, thời gian BĐ đóng hụi chết, phần BĐ có đóng thì ghi số tiền BĐ đóng, phần nào BĐ chưa đóng thì trong sổ không ghi số tiền. Đây là tình tiết không phải chứng minh và là chứng cứ theo quy định tại Điều 92 và Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Có căn cứ xác định số tiền NĐ đã góp hụi thay cho vợ chồng BĐ là 116.000.000đ. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của NĐ và tuyên buộc BĐ, NLQ hoàn trả cho NĐ số tiền nợ hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 116.000.000đ là phù hợp khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[3.5] Đối với lý do kháng cáo thứ năm: Tại phiên tòa phúc thẩm, NUQ thay đổi do ông nhầm lẫn, thực tế thì BĐ tham gia của NĐ 06 dây hụi nên ông xin rút lại lý do kháng cáo này.

[3.6] Đối với lý do kháng cáo thứ sáu: NĐ yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm buộc BĐ, NLQ liên đới hoàn trả tổng số tiền nợ hụi cho bà đến ngày xét xử sơ thẩm là 116.000.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên không buộc nguyên đơn NĐ phải chịu án phí là phù hợp Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. BĐ cho rằng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

[3.7] Đối với lý do NUQ bổ sung tại tòa là biên bản hòa giải ngày 27/6/2018 của Tòa án (bút lục 31) ghi sai tên của BĐ là bà Tính và phần nhận định của bản án sơ thẩm (bút lục 139) ghi dây hụi 5 mãn ngày 06/3/201 là sai nghiêm trọng. Xét thấy, cấp sơ thẩm có sai sót như người đại diện của BĐ và NLQ đã nêu nhưng không làm ảnh hưởng và làm thay đổi đến kết quả giải quyết vụ án, sai sót này không nghiêm trọng cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bà BĐ, ông NLQ yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà NĐ là có cơ sở; đề nghị của người đại diện hợp pháp của bà BĐ và ông NLQ là không có cơ sở. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận như đã phân tích.

[6] Do kháng cáo của bà BĐ, ông NLQ không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà BĐ, ông NLQ

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà BĐ và ông NLQ có trách nhiệm trả cho bà NĐ số tiền hụi còn thiếu 116.000.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà NĐ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà BĐ và ông NLQ còn phải trả lãi cho NĐ theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà BĐ và ông NLQ phải chịu số tiền 5.800.000đồng *(Năm triệu, tám trăm ngàn đồng)*.

Bà NĐ không phải chịu án phí, NĐ được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000 đồng *(Hai triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0001449 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà BĐ, ông NLQ mỗi người phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà BĐ, ông NLQ đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005018 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Như vậy, bà BĐ, ông NLQ đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX N;
- Chi cục THA.DS TX N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga